

TRAO ĐỔI



Ý KIẾN

VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH LẠI THÀNH PHẦN MỘT SỐ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

*LTS. Kể từ khi Nhà nước ban hành bản **Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam**, đến nay đã hơn ba mươi năm - một thời gian đủ để kiểm nghiệm giá trị của một công trình khoa học. Công trình mang tầm vóc ấy có sự đóng góp to lớn không chỉ của các nhà dân tộc học, mà còn là trí tuệ của nhiều nhà nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, của cán bộ và đồng bào các dân tộc Việt Nam...*

*Song, giống như bất kỳ sản phẩm vật chất và tinh thần nào, bản **Danh mục** này không tránh khỏi các khiếm khuyết. Mặt khác, những biến chuyển của đời sống xã hội ở đất nước trong hơn ba thập kỷ qua cũng tác động nhiều mặt tới thành phần tộc người; do vậy, vấn đề xác định lại thành phần một số dân tộc ở nước ta là nhu cầu thực tế và đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước phê duyệt. Một lần nữa, trách nhiệm nặng nề ấy trước hết lại đặt lên vai các nhà dân tộc học và những nhà nghiên cứu của các bộ môn khoa học liên quan.*

*Từ số này, trong chuyên mục **Trao đổi ý kiến**, Tap chí Dân tộc học trân trọng giới thiệu với bạn đọc chuyên đề **Vấn đề xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam** và hy vọng nhận được nhiều đóng góp của các tác giả gần xa.*

VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH LẠI THÀNH PHẦN MỘT SỐ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

KHÔNG DIỄN

Ngày 2-3-1979 dựa trên kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học và ý kiến của Ủy ban Dân tộc Trung ương, được uỷ nhiệm của Chính phủ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ra quyết định số 121 - TCTK/PPCĐ chính thức ban hành *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam*. Vậy dựa trên tiêu chí nào để xác định là một dân tộc? Và vì sao nay chúng ta lại phải bàn về vấn đề tiêu chí và xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam? Dưới đây xin trình bày các quan điểm của các nhà dân tộc học trong và ngoài nước về vấn đề này. Trước hết là vấn đề khái niệm dân tộc: Dân tộc được dùng ở đây với nghĩa là tộc người (ethnos, ethnic) chẳng hạn như Việt, Tày, Nùng, Thái, Mường v.v...; chứ không phải hiểu

theo nghĩa dân tộc hiện đại (nasia, nation) như dân tộc Việt Nam, Nga, Thái Lan, v.v...

I. NHỮNG NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI DÂN TỘC (TỘC NGƯỜI)

Trước khi trình bày các tiêu chí phân loại dân tộc của các nhà khoa học Việt Nam sử dụng trong những năm 60 - 70 thế kỷ trước, chúng tôi tóm lược một số quan điểm của các nhà dân tộc học ở một số nước có quan tâm và đã từng nghiên cứu vấn đề này.

a. Quan điểm của các nhà dân tộc học Xô Viết (trước đây)

Theo các nhà dân tộc học Xô Viết thì khái niệm tộc người có những nét tương đồng với cộng đồng tộc người. Nhưng cũng

có những tác giả coi cộng đồng tộc người rộng rãi hơn khái niệm tộc người. Vì nó có thể gọi một nhóm nhiều dân tộc gần gũi nhau về ngôn ngữ và văn hoá, song cũng có thể dùng để gọi một bộ phận của một dân tộc có nét độc đáo riêng về văn hoá và ngôn ngữ (1). Có tác giả lại coi cộng đồng tộc người là khái niệm bao trùm cho nhiều loại hình cao, thấp khác nhau, chẳng hạn S.I.Bruc, đã quan niệm: "Về mặt lịch sử, những cộng đồng tộc người sớm hơn cả và tiêu biểu cho chế độ công xã nguyên thuỷ là những bộ lạc, những tập đoàn người tự coi mình có chung một nguồn gốc và có ý thức rõ ràng về mối quan hệ huyết thống, tự phân biệt mình với các bộ lạc khác bởi ngôn ngữ, tên gọi và lãnh thổ riêng. Về sau do quá trình giải thể chế độ công xã nguyên thuỷ với sự tăng lên của các cuộc đụng độ giữa các bộ lạc đã xuất hiện liên minh bộ lạc, lôi cuốn cả sự gia tăng về mối liên hệ kinh tế, văn hoá giữa các bộ lạc, ra đời các bộ tộc. Những bộ tộc ra đời đầu tiên ở thời kỳ chiếm hữu nô lệ, thường gắn với sự phát triển nhanh của lực lượng sản xuất xã hội, với sự ra đời của chế độ tư hữu, với sự tan rã của chế độ công xã nguyên thuỷ, với sự thay thế các mối quan hệ huyết thống trước kia bằng quan hệ lãnh thổ. Ở châu Âu quá trình hình thành các bộ tộc đã hoàn tất vào Thời trung đại, tức thời kỳ của chế độ phong kiến. Với sự phát triển của các quan hệ xã hội, với sự gia tăng các mối quan hệ về kinh tế, văn hoá, với sự sáng tạo và phổ biến các ngôn ngữ văn học chung và củng cố ý thức tự giác dân tộc, từ các bộ tộc đã biến thành các dân tộc" (2). Ngày nay lại có ý kiến cho rằng xã hội loài người tiến thẳng từ liên minh bộ lạc lên dân tộc.

Khi thảo luận về các tiêu chí xác định cho một dân tộc (tộc người) các nhà khoa học Liên Xô trước đây đều nhất trí với nhau rằng, không phải chỉ căn cứ vào một

đặc trưng hay tiêu chí nào đó mà phải xét tổng thể, bao gồm một số tiêu chí khác nhau. Vấn đề quan trọng là phải xem nhóm cư dân này hay nhóm cư dân kia thuộc loại hình cộng đồng tộc người nào. Đó là một tộc người hay chỉ là một bộ phận của một tộc người, chỉ là nhóm địa phương nhóm dân tộc học của một tộc người nào đó.

Các tiêu chí thường được các nhà dân tộc học Liên Xô sử dụng để xác định tộc người là:

**1. Cùng cư trú trên một phạm vi lãnh thổ nhất định.** Lãnh thổ tộc người như một điều kiện vật chất, cơ bản để hình thành các cộng đồng tộc người. Điều kiện tự nhiên của vùng lãnh thổ quyết định nhiều đặc điểm của đời sống con người. Tuy nhiên trong thực tế nhiều dân tộc như Do thái, Di gan, Ta min, Hoa v.v..., cư trú ở nhiều vùng lãnh thổ khác nhau, quốc gia khác nhau thậm chí rất xa nhau nhưng vẫn là những dân tộc riêng.

**2. Cùng nói một ngôn ngữ,** nghĩa là mỗi dân tộc đều có tiếng nói riêng của mình. Có thể nói, cộng đồng ít bị phân hoá hơn cả là cộng đồng về ngôn ngữ. Ngôn ngữ không chỉ đơn thuần là một phương tiện để giao dịch mà còn là một phương tiện để phát triển các hình thái quan trọng nhất đối với đời sống văn hoá tinh thần của họ. Chỉ có ngôn ngữ mẹ đẻ được tiếp nhận từ tuổi ấu thơ mới có thể giúp họ hiểu biết được những sắc thái tinh vi nhất của đời sống tinh thần, mới cho phép họ hiểu nhau một cách thấu đáo. Ngôn ngữ liên quan mật thiết đến bản tính tộc người do vậy không phải ngẫu nhiên mà phần lớn các tên gọi dân tộc lại trùng lặp với ngôn ngữ của họ (3).

Việc phân nhóm theo mức độ thân thuộc của các ngôn ngữ (gọi là phân theo

phả hệ) làm cơ sở cho sự phân loại sẽ giúp chúng ta trong một mức độ nhất định xác định được sự gần gũi và thân thuộc của các dân tộc. Cơ sở của sự phân loại này là sự tập hợp các ngôn ngữ bắt nguồn từ một ngôn ngữ cơ sở, ngôn ngữ gốc, đã từng tồn tại trong quá khứ. Việc nghiên cứu vốn từ cơ bản và cấu tạo ngữ pháp các ngôn ngữ của một hệ sẽ cho phép ta xác định được những ngôn ngữ ấy là ngôn ngữ có nguồn gốc chung, là những ngôn ngữ thân thuộc. Mỗi ngữ hệ lại chia thành nhiều ngành, nhiều nhóm khác nhau hoặc ngữ chi ngữ tộc riêng, mỗi bậc thang chia nhỏ ấy là ngôn ngữ của dân tộc, hoặc cũng có thể là ngôn ngữ của một nhóm các dân tộc nhất định (S.I. Bruc, tài liệu đã dẫn).

Vì vậy trong tất cả các đặc trưng tộc người thì ngôn ngữ là quan trọng nhất song, nó không phải là tiêu chí duy nhất, vì hiện nay trên thế giới có những dân tộc nói hai, ba thứ tiếng và ngược lại, nhiều dân tộc lại chỉ nói cùng một thứ tiếng. Cũng có ý kiến cho rằng, việc xếp các dân tộc vào các nhóm ngôn ngữ ngay cả khi đã gắn cho chúng hai chữ "tộc người", cũng không thể làm cho nó trở thành các đơn vị tộc người, ngay cả những dân tộc nói cùng một ngôn ngữ cũng không phải là một cộng đồng người, chưa kể gì tới những dân tộc nói các ngôn ngữ khác nhau (4).

### 3. Có chung các đặc điểm văn hoá.

Đây là một tiêu chí rất quan trọng trong công tác xác định thành phần dân tộc. Văn hoá là cái mà mỗi dân tộc xây dựng nên trong quá trình phát triển lịch sử của mình được truyền từ đời này qua đời khác. Vì vậy cho đến nay mỗi dân tộc đều có những sắc thái riêng biểu hiện trong văn hoá vật thể và phi vật thể (vật chất, tinh thần và xã hội). Có thể có những dân tộc cùng sống trên một phạm vi lãnh thổ với nhau, cùng có chung một cơ sở kinh tế và

có cùng một ngôn ngữ, nhưng không có và không thể có hai dân tộc có một nền văn hoá hoàn toàn giống nhau. Nếu một dân tộc đã để mất đặc trưng văn hoá của mình thì nó không còn là một cộng đồng tộc người riêng biệt nữa (N.N. Tsebocsarov, đã dẫn). Nhưng văn hoá lại bao gồm những nội dung rất rộng, do vậy khi vận dụng vào việc xác định thành phần dân tộc phải lưu ý về những đặc điểm chung đó cho từng dân tộc, nếu không sẽ dễ đi đến những bất đồng, người nhầm lẫn này, kẻ nhầm lẫn khác.

### 4. Có cùng ý thức dân tộc hay là tự giác dân tộc.

Đây là tiêu chí cực kỳ quan trọng, suy cho cùng lại là cái quyết định để xác định thành phần dân tộc. Nó được xuất hiện khi những con người ở trong cùng một cộng đồng, sử dụng một tộc danh thống nhất, một tên gọi nhất định, tên gọi đó được bất cứ người nào thuộc cộng đồng tộc người ấy biết rất rõ. Nó cũng là kết quả của sự tác động lẫn nhau của các yếu tố cơ bản hình thành nên cộng đồng tộc người. Ý thức dân tộc có tính độc lập cao, dấu cho khi lãnh thổ bị ngăn cách, văn hoá bị đứt gãy, thậm chí cả đến ngôn ngữ mẹ đẻ cũng bị mất mát, thì ý thức tự giác tộc người vẫn được duy trì.

Với 4 tiêu chí trên, nói chung các nhà khoa học Xô Viết đều thống nhất để xác định thành phần dân tộc ở Liên Xô trước đây, dấu vậ cũng còn có những ý kiến đề xuất thêm một số tiêu chí khác như:

- *Kinh tế*, coi như một dấu hiệu chủ yếu của dân tộc. Nhưng có một số ý kiến bác bỏ, họ cho rằng nếu đưa kinh tế trở thành một tiêu chí xác định dân tộc thì sẽ làm đơn giản hoá khái niệm về các mối quan hệ giữa kinh tế và dân tộc (5). Kinh tế rõ ràng là điều kiện cần thiết để tồn tại các hình thái cộng đồng tộc người chứ không đặc trưng cho tính đặc thù của tộc

người. Cộng đồng kinh tế và cộng đồng tộc người thường không trùng nhau, cộng đồng kinh tế xuất hiện trước hết thông qua cộng đồng lãnh thổ kết hợp với cộng đồng quốc gia. Khi sự liên hệ về lãnh thổ bị phá vỡ thì mối liên hệ chung về kinh tế không còn nữa. Coi trọng sự phát triển của những mối liên hệ kinh tế giữa các cộng đồng lãnh thổ có tính chất riêng biệt của một dân tộc hay của các nhóm dân tộc ở bên cạnh nhau trong quá trình hình thành dân tộc, chứ không nên đồng thời tuyệt đối hoá những mối liên hệ ấy, không nên coi chúng là bất biến và không thể thiếu trong quá trình tồn tại của dân tộc và cũng không nên đem biểu tượng về những đặc điểm kinh tế của các dân tộc thay thế cho khái niệm cơ sở kinh tế trong việc hình thành của chúng (6).

- *Tâm lý*, cũng là một trong những dấu hiệu được một số người đề cập tới. Trong cuốn "Tộc người và dân tộc" Iu. V. Bromley đã phản đối sự phủ nhận những sự khác nhau về tâm lý giữa các tộc người và phản đối việc giải thích sơ sài hoặc tuyệt đối hoá những khác nhau đó. Theo ông, có đầy đủ cơ sở để cho rằng, những đặc thù tương đối cố kết của tâm lý là vốn có của những cộng đồng tộc người và thêm vào đó chúng còn tồn tại trong bất kỳ hình thái xã hội nào (7).

Theo V.I. Kozlov thì các đặc tính tâm lý của các nhóm người phải được hiểu là những đặc điểm trong nhận thức của họ về các hiện tượng tự nhiên và xã hội, các đặc điểm trong cách ứng xử trước những hoàn cảnh, tình huống khác nhau. Khi dân tộc có giai cấp đối kháng, có kẻ thống trị, có người bị trị thì mỗi giai cấp có đặc tính tâm lý riêng. Tốt hơn hết không đưa tiêu chí tâm lý vào trong công việc xác định thành phần tộc người. Vào đầu

những năm 80 trên diễn đàn của Tạp chí Dân tộc học Xô Viết đã dành 4 số (năm 1983) để thảo luận về vấn đề này, nhưng cũng vẫn không ngã ngũ. Xem ra tâm lý cũng là một đặc điểm quan trọng nhưng đưa thành một tiêu chí xác định dân tộc thì còn phải tiếp tục nghiên cứu thêm.

- Một dấu hiệu khác được đề cập đến trong lĩnh vực này là *nội tộc hôn*. Iu. V. Bromley kiến nghị: Phải coi tộc người như là một cộng đồng có ưu thế về sự gìn giữ của quan hệ nội tộc hôn trong phạm vi của nó, phải đưa nội tộc hôn thành một trong số các dấu hiệu tộc người quan trọng nhất (8). Nhưng có một số ý kiến phản đối, trong đó có V. I. Kozlov, theo Kozlov thì nội tộc hôn có ý nghĩa to lớn đối với tộc người, đảm bảo cho việc tái sản xuất dân cư, tồn tại khá bền vững, nhưng nó không thuần túy chỉ là tính chất của tộc người, cho nên tốt hơn hết là coi nó như một điều kiện tộc người, chứ không phải là dấu hiệu của nó (Dân số học tộc người tr. 28, 29).

Các nhà dân tộc học Liên Xô (cũ) còn phê phán quan điểm của nước ngoài, muốn đưa yếu tố *tôn giáo* và *nhân chủng học* vào để xác định thành phần dân tộc. Và cho rằng tôn giáo đã từng đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành một số các dân tộc hiện đại. Ở châu Âu, sự phân biệt về tôn giáo có ảnh hưởng quyết định đối với việc xác định tộc người của các nhóm cư dân tương đối thuần về mặt ngôn ngữ. Tuy nhiên, theo thời gian, yếu tố tôn giáo đã mất đi ý nghĩa của nó. Còn về nhân chủng học thì các nhà khoa học Xô Viết cho rằng, sự hình thành các dân tộc là có tính chất xã hội chứ không có tính chất sinh vật. Các

cộng đồng dân tộc không ăn khớp với các cộng đồng chủng tộc, cộng đồng sinh lý.

Ngoài ra một số nhà khoa học như M.G LêVin, N.N. Tsebocsarov, B.V. Andnianov,... sử dụng rộng rãi khái niệm "*Loại hình kinh tế văn hoá*", khu vực "*Dân tộc học - lịch sử*" như là một hệ thống phân loại khác của tộc người, nhưng cũng có một số nhà khoa học không tán thành. Vì theo họ, nó chỉ đúng qui luật đối với các giai đoạn sớm của lịch sử xã hội, nếu dùng cách phân loại này thì ngay cả các dân tộc có dân số ít cũng bị chia thành các loại hình khác nhau, đối với các dân tộc có nhiều tầng lớp văn hoá thì còn khó hơn (S.I.Bruc - đã dẫn; V.I. Kozlov, Bàn về phân loại... - đã dẫn).

## **b. Quan điểm của các nhà dân tộc học Trung Quốc.**

Đối với các nhà dân tộc học Trung Quốc, họ chú trọng đến vấn đề nguồn gốc và lịch sử của dân tộc trong công tác xác định thành phần dân tộc trong nước. Từ những năm cuối của thập kỷ 50 các nhà khoa học Trung Quốc đã xác định ở nước này có 56 dân tộc và coi như vấn đề đã được khép lại (Các ý kiến trao đổi giữa PGS Nguyễn Dương Bình và tác giả bài viết này với các nhà dân tộc học tại Viện nghiên cứu dân tộc ở Bắc Kinh, năm 1994).

Trong một thời gian dài, các nhà khoa học Trung Quốc vẫn kiên trì theo định nghĩa "dân tộc" của Xta-lin từ năm 1913 trong bài viết của ông "Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc": "Dân tộc là một cộng đồng người ổn định được hình thành trong lịch sử có chung ngôn ngữ, lãnh thổ, đời sống kinh tế, cùng chung một tố chất tâm lý biểu hiện trong cùng một văn hoá".

Xta-lin đưa ra 2 tiêu chí không thể thiếu, đó là:

- Dân tộc là một phạm trù lịch sử của thời đại tư bản chủ nghĩa đang lên, trước chủ nghĩa tư bản không thể có dân tộc.

- 4 yếu tố trên, thiếu một cũng không thể trở thành dân tộc.

Kể từ Hội nghị trung ương 3 (Khoá XI) của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Nhà nước Trung Quốc bước vào thời kỳ mới, mở cửa và cải cách. Nhiều nhà khoa học muốn đưa tiêu chí: "Cùng chung một phong tục tập quán" vào trở thành một đặc điểm dân tộc, nghĩa là tách phong tục tập quán ra khỏi "cùng chung tố chất tâm lý", coi phong tục tập quán là một trong những đặc điểm cơ bản của sự hình thành và phân biệt dân tộc. Thời gian này người ta chú ý đến kinh tế dân tộc, do vậy ở nhiều cơ quan nghiên cứu và giảng dạy dân tộc học đã hình thành bộ phận nghiên cứu về kinh tế.

Vấn đề ý thức dân tộc cũng được đặt ra. Nhiều người cho rằng, ý thức là một trong những đặc trưng quan trọng của dân tộc, vừa có tính quần chúng, dân tộc, vừa có tính nhạy cảm. Và ở Trung Quốc đã có những cuộc thảo luận về vấn đề này. Nhiều học giả cho rằng sự tăng cường ý thức dân tộc là hiện tượng phổ biến trên phạm vi toàn thế giới và ngày càng phát triển. Hiện nay ý thức chủ yếu được biểu hiện ở ý thức tự mình và ý thức phát triển.

Riêng về tính chất và sự tác động của ý thức, vẫn có 3 loại ý kiến khác nhau:

1. *Cho ý thức dân tộc là tích cực.* Coi ý thức là động lực gốc của sự phát triển. Nếu mất nó sẽ mất khả năng sống và dân tộc sẽ suy vong.

### 2. Cho ý thức dân tộc là tiêu cực.

Coi ý thức dân tộc là nguyên nhân làm gia tăng mâu thuẫn dân tộc. Trong những điều kiện đặc biệt, rất khó có thể phân định được ranh giới giữa ý thức dân tộc và chủ nghĩa dân tộc. Do vậy cần phải hạn chế phạm vi tác động của nó.

3. *Cho ý thức dân tộc là trung tính.* Khuyến mọi người cần phân tích cụ thể đối với các vấn đề cụ thể, không khái quát tính chất và tác động của nó. Ý thức dân tộc và chủ nghĩa dân tộc là hai vấn đề khác nhau nhưng lại có sự liên hệ mật thiết, khi bị áp bức thì nó là tiến bộ (Hách Thời Viễn và Dương Cảnh Sở, Tạp chí nghiên cứu dân tộc, tháng 10, 1998, Bắc Kinh, Nguyễn Duy Chiếm dịch).

### c. Đối với các nhà dân tộc học thuộc các nước Âu - Mỹ.

Họ rất coi trọng ý thức tự báo của người dân, họ thường chỉ phân biệt một cách rạch ròi giữa dân bản địa và dân di cư từ nơi khác đến.

Trước đây họ có đưa ra các tiêu chí xác định tộc người nhưng lại thiên về các khía cạnh như hình dáng, thể chất (yếu tố nhân chủng) và tôn giáo. Điều đó đã bị các nhà khoa học Mác xít Liên Xô trước đây bác bỏ (như đã trình bày).

Các nước trong khu vực Đông Nam Á, cho đến nay không nước nào tiến hành công việc xác định thành phần dân tộc một cách rõ ràng, cụ thể. Cho nên khi được hỏi về thành phần các dân tộc ở mỗi nước thì thường nhận được những câu trả lời khác nhau về dân số cũng như số lượng các dân tộc của nước họ.

Gần đây trong các tài liệu của Liên hiệp quốc về các dân tộc bản địa, họ có nhấn mạnh đến tính cộng đồng, ý thức tự nhận của người dân và vấn đề dân số của dân tộc.

### d. Quan điểm của các nhà dân tộc học Việt Nam.

Ở Việt Nam, trong các thế kỷ trước cũng đã có nhiều công trình viết về dân tộc hoặc ở từng khu vực hoặc trong cả nước, nhưng để bàn về các tiêu chí dùng trong xác định thành phần dân tộc thì mãi đến những năm đầu thập niên 60 thế kỷ 20 mới được thảo luận sôi nổi. Tháng 8 năm 1960 tại Hà Nội đã có một Hội nghị khoa học, bàn về vấn đề này. Các nhà khoa học đã có dịp đưa ra các suy nghĩ của mình. Như Vương Hoàng Tuyên (đăng trong Tập san đoàn kết dân tộc số 4, 1962 và số 36, 1962); Mạc Đường (đăng trong tập san dân tộc số 35, 1962); Lã Văn Lô (đăng trong tập san Dân tộc số 36, 1962); Hoàng Thị Châu, Nguyễn Linh, (đăng trong Tập san Dân tộc số 38, 1963). Nhưng Hội nghị chưa đi đến những ý kiến thống nhất.

Từ khi Viện Dân tộc học trực thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia) được thành lập (năm 1968) đến những năm của thập niên 70, nhiệm vụ của Viện chủ yếu tập trung vào điều tra, nghiên cứu về thành phần các dân tộc trong nước, do vậy công tác xác định thành phần dân tộc được đẩy mạnh và thu được những kết quả nhất định. Sau những đợt đi thực tế, Viện kết hợp với Ủy ban dân tộc Trung ương và chính quyền các địa phương tổ chức nhiều Hội thảo khoa học để lấy ý kiến của các nhà khoa học và đại biểu của đồng bào các địa phương.

Năm 1973 tại Hà Nội, đã tiến hành hai cuộc Hội thảo khoa học (tháng 6 và tháng 11 năm 1973). Ở Hội thảo tháng 6, Các nhà khoa học đã đưa ra quan điểm của mình như Bế Viết Đăng, sau khi trình bày các tiêu chí như lãnh thổ, kinh tế, tiếng nói văn hoá, ý thức tự giác dân tộc,

cuối cùng rút lại còn 3 tiêu chí cuối, coi là phù hợp với Việt Nam; Hoàng Hoa Toàn đưa ra trường hợp những nhóm địa phương do sống cách biệt với dân tộc của mình, nay nhận lại nhau thì vẫn phải coi họ là cùng dân tộc; Lâm Xuân Đình lưu ý đến vấn đề dân số; Đặng Nghiêm Vạn tập trung vào vấn đề tên gọi và cách viết tên dân tộc; Triệu Hữu Lý nhấn mạnh đến tên tự gọi; Bùi Khánh Thế lưu ý đến cách ghi tên gọi dân tộc sao cho phù hợp với tiếng nói và chữ phổ thông. Mạc Đường bàn về thành phần dân tộc Việt Nam trong các công trình đã được công bố trước đây. Các ý kiến đó sau này được in lại trong một cuốn sách riêng (9). Tại Hội thảo tháng 11, Nguyễn Dương Bình nêu lên tính phức tạp của mối quan hệ giữa dân tộc và nhóm địa phương; Hoàng Hoa Toàn lại nhấn mạnh đến ý thức tự giác dân tộc; Lâm Thanh Tòng đồng ý ba tiêu chuẩn đưa ra ở Hội thảo, nhưng không đồng ý quá nhấn mạnh đến ý thức tự giác dân tộc; Hoàng Thị Châu và Nguyễn Linh nêu ra tính phức tạp giữa tên gọi do địa phương báo lên và tên đồng bào tự nhận khi điều tra. Bùi Khánh Thế nêu lên vai trò của ngôn ngữ học trong xác định dân tộc. Kết quả của các Hội nghị, Hội thảo đã được đăng tải trong các số của Thông báo Dân tộc học (1973) và Tạp chí Dân tộc học (1974). Sau đó cho công bố cuốn "Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam" (10). Ở hai Hội thảo này đã thống nhất lấy dân tộc (tộc người) làm đơn vị cơ bản trong xác định thành phần các dân tộc.

Cuối cùng đã đi đến thống nhất có ba tiêu chí để xác định tộc người đó là:

1. Có chung tiếng nói (ngôn ngữ).
2. Có chung những đặc điểm sinh hoạt văn hoá.
3. Có cùng ý thức tự giác, tự nhận cùng một dân tộc.

Tuy nhiên cũng có những ý kiến lưu ý đến các đặc trưng khác khi xem xét từng trường hợp cụ thể: Chẳng hạn như đã trình bày, trong khi Hoàng Hoa Toàn, Triệu Hữu Lý cũng nhấn mạnh đến tên tự gọi và ý thức tự giác dân tộc, coi đó là lòng tự tôn dân tộc, là tiêu chí quan trọng nhất, và nó có ý nghĩa khoa học lớn thì Lâm Thanh Tòng lại không đồng ý với ý kiến quá nhấn mạnh tiêu chí này, theo ông, trình độ phát triển của các dân tộc ở nước ta cũng như nhiều nước khác đang trong trạng thái tiền tư bản chủ nghĩa cho nên trong mỗi dân tộc thường còn nhiều nhóm địa phương, nhiều nơi những nhóm này hoàn toàn tách khỏi những đồng tộc của họ, tự nhận là một dân tộc, nếu không nghiên cứu thấu đáo dễ nhầm lẫn, sẽ coi nhóm địa phương là một dân tộc. Riêng Triệu Hữu Lý có đề xuất tiêu chí, đó là nguồn gốc tộc nguyên; Lâm Xuân Đình đề nghị nên thống nhất dùng thuật ngữ dân tộc cho tất cả các dân tộc (tộc người) trong cả nước, vì các dân tộc đều bình đẳng.

Như vậy 3 tiêu chí trên đã được các nhà khoa học thống nhất dùng trong việc xác định các dân tộc ở Việt Nam. Theo các tiêu chí này, đã xác định được trong cả nước ta có 59 dân tộc, trong đó ở miền Bắc có 36 dân tộc và ở miền Nam có 23 dân tộc. Bảng danh mục này đã được đăng trong cuốn "Các dân tộc ít người ở Việt Nam, các tỉnh phía Bắc", Hà Nội, 1978, và đăng trong tạp chí Dân tộc học số 1, 1974.

Thực hiện chỉ thị 83-CD của Hội đồng chính phủ về việc củng cố phối hợp tiến hành nghiên cứu xác định thành phần các dân tộc ở Việt Nam, trước mắt là phục vụ cho cuộc Tổng điều tra dân số cả nước. 1.10.1979, ngày 12.12.1978 Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Trung tâm KHXH&VNQG) cùng Ủy ban Dân tộc Trung ương (nay là Ủy ban Dân tộc &

miền núi) trình lên Chính phủ bảng danh mục với 54 dân tộc trong cả nước. Danh mục này được công nhận và sử dụng từ đó đến nay.

Như vậy là so với bảng danh mục năm 1973 thì ở đây không còn các dân tộc như: Giẻ, Ve, Triêng (kết hợp làm một), Hà lãng (nhập vào Xơ đăng), Xrê (nhập vào Cơ ho), Pú nà (nhập vào Giáy), Thuỷ (nhập vào Pà thên), Tống (nhập vào Dao), Chăm hroi (nhập vào Chăm). Trong khi đó, tách Ngái ra khỏi Hoa, thành hai dân tộc là Hoa và Ngái, thêm 3 dân tộc mới là Chơ ro, Brâu và Rơ măm. Đồng thời xác định lại một số tên gọi của các dân tộc: Pa cô thành Tà Ôi, Ca tu thành Cơ tu, Cao lan - Sán chỉ thành Sán chay, Mèo thành Hmông (11).

Nhìn lại các tiêu chí dùng để xác định thành phần các dân tộc ở Việt Nam của các nhà Dân tộc học đã sử dụng cách đây ba thập niên và bảng danh mục gồm 54 dân tộc đã được ban hành trên 20 năm nay, chúng ta thấy có những điểm sau đây:

Về tiêu chí, phải nói rằng các nhà dân tộc học của ta trước đây đã có sự nghiên cứu khá sâu sắc và cân nhắc rất kỹ càng mới đưa ra được 3 tiêu chí như vậy. Mặc dù trong những năm đó chúng ta chịu ảnh hưởng rất nhiều từ nền dân tộc học Xô Viết và Trung Quốc, nhưng chúng ta đã không đưa tiêu chí lãnh thổ vào để xác định thành phần các dân tộc ở nước mình. Vì rằng, với các dân tộc ở Việt Nam, có đặc điểm là cư trú rất phân tán, do vậy trên một phạm vi lãnh thổ có rất nhiều dân tộc cùng cư trú, dẫn tới tình trạng cư trú đan xen, không có một khu vực nào dành riêng cho một dân tộc nào. Hoặc chúng ta cũng không đưa vấn đề nguồn gốc lịch sử, tộc nguyên vào thành một tiêu chí để xem xét. Vì đây là một vấn đề cực kỳ phức tạp cả về

mặt thời gian cũng như không gian, nếu đi quá sâu vào khía cạnh này e rằng sẽ không giải quyết được vấn đề. Chúng ta cũng không đưa yếu tố dân số vào như là một tiêu chí, một điều kiện để xác định tộc người, dẫu rằng với những dân tộc có dân số quá ít sống bên cạnh hoặc xen kẽ những dân tộc có dân số đông thì việc bảo tồn văn hoá truyền thống hoặc ngay cả việc duy trì tiếng nói của dân tộc mình cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Khi có dịp trao đổi với các nhà dân tộc học Liên Xô trước đây và với các nhà dân tộc học ở Bắc Kinh Trung Quốc, họ đánh giá cao cách lựa chọn tiêu chí của chúng ta. Riêng có một, hai ý kiến ở Viện nghiên cứu dân tộc Bắc Kinh, cho rằng tiêu chí về có chung các đặc điểm văn hoá là hơi rộng, nếu không có những qui định cụ thể thì rất dễ có những cách vận dụng khác nhau. Chúng tôi cho rằng về tiêu chí có lẽ không có gì cần cá lăm, vấn đề là vận dụng như thế nào mà thôi. Chẳng hạn 3 tiêu chí mà các nhà khoa học Việt Nam đã nhất trí trong 2 cuộc Hội thảo năm 1973, không có tiêu chí về nguồn gốc xuất xứ, nhưng khi đi vào những trường hợp cụ thể như Cao lan, Sán chỉ, hoặc nhóm người Nguồn, chúng ta lại căn cứ vào nguồn gốc để xem xét.

Về viết tên các dân tộc: Có ý kiến cho rằng phải viết theo tiếng và chữ viết phổ thông, nhưng lại có ý kiến cho rằng phải tôn trọng nguyên gốc, vì lâu nay chúng ta viết tên các nước trên thế giới cũng phải tôn trọng cách viết của chính nước đó. Dẫu vậy, khi viết tên các dân tộc (trong bảng danh mục) chúng ta cũng chưa có sự nhất quán, chẳng hạn viết Hmông, Hrê, Brâu nhưng lại cũng viết Mơ nông, Rơ măm vv...

Về số lượng thành phần dân tộc: Rõ ràng ở bảng danh mục năm 1979 so với

bảng danh mục năm 1973 có những thay đổi đáng kể. Nếu như để đạt được sự tương đối nhất trí về bảng danh mục năm 1973 chúng ta đã phải tiến hành hàng loạt các cuộc Hội thảo ở Trung ương và các địa phương, nhưng với bảng danh mục năm 1979 (trình năm 1978) thì ngoài Hội nghị tháng 8.1978 ở thị xã Plêi-cu bàn về các dân tộc ở Gia Lai - Kon Tum, hầu như không có cuộc trao đổi nào và cũng không có lời giải thích nào về những thay đổi đó. Chính do còn có những vấn đề như vậy, hơn nữa trong quá trình phát triển của đất nước, nhất là từ khi thực hiện đổi mới, có một số nhóm dân tộc, một số dân tộc muốn được xem xét lại thành phần dân tộc, tên gọi của dân tộc mình; Có một số địa phương cũng đề nghị được xem lại thành phần dân tộc ở địa phương họ.

Vấn đề ở đây, không phải là tách dân tộc ra hay nhập dân tộc lại với nhau, mà là phải căn cứ vào thực tiễn, vận dụng một cách sáng tạo học thuyết của chủ nghĩa Mác-Lênin, kế thừa có chọn lọc những thành tựu của các nhà dân tộc học Macxít, trên cơ sở đường lối chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, có sự phối hợp chặt chẽ giữa dân tộc học với các ngành khoa học xã hội, nhân văn khác, giữa các cơ quan khoa học với các cơ quan quản lý hoạch định chính sách cũng như với nhân dân, chính quyền ở các địa phương. Thực tế hiện nay đòi hỏi chúng ta phải vận dụng một cách nhất quán các tiêu chí đã được thảo luận và nhất trí, không quá coi trọng một tiêu chí nào.

Mặc dù công tác xác định lại thành phần một số dân tộc ở nước ta hiện nay sẽ gặp không ít khó khăn và phức tạp, trong bối cảnh mà mỗi dân tộc thường có các nhóm địa phương, có ít nhiều khác biệt về ngôn ngữ, rất đa dạng về văn hoá. Hơn nữa vấn đề dân tộc, sắc tộc trên thế giới có

nhều biến động, trong tình hình mà Đảng và Nhà nước ta có nhiều chính sách ưu tiên đối với đồng bào các dân tộc, nhất là những dân tộc có dân số ít (đó là tính ưu việt của chế độ ta), song với sự nỗ lực, cố gắng và trách nhiệm cao của mọi người, mọi ngành mọi cấp chúng tôi hy vọng công việc của chúng ta sẽ thành công tốt đẹp.

### Tài liệu tham khảo

1. N.N. Tsebocsarov, *Vấn đề phân loại các cộng đồng người trong các tác phẩm của các học giả Xô Viết*, Dân tộc học Xô Viết, số 4, 1967.
2. S.I. Bruc, *Các quá trình phát triển tộc người và những nguyên tắc phân loại tộc người*, trong "Dân số và phân bố các dân tộc trên thế giới", Nxb Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Maxcova, 1962.
3. V.I. Kozolov, *Dân số học tộc người*, Nxb Thống kê, Maxcova, 1977.
4. V.I. Kozlov, *Bàn về phân loại cộng đồng người, trong "Dân tộc học đại cương"*, Nxb Khoa học, Maxcova, 1979.
5. V.I. Kozlov, *Tộc người và kinh tế tộc người*, Dân tộc học Xô Viết, số 6. 1970.
6. N.N. Tsebocsarov, *Những vấn đề nguồn gốc các dân tộc cổ đại và hiện đại*, Nxb Khoa học, Maxcova, 1964.
7. Iu. V. Bromley, *Tộc người và dân tộc học*, Maxcova, 1973.
8. Iu. V. Bromley, *Tộc người và nội tộc hôn*, Dân tộc học Xô Viết, số 6, 1969.
9. Mạc Đường, *Dân tộc học và vấn đề xác định thành phần dân tộc (lý thuyết - nghiên cứu - tư liệu)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.
10. Viện Dân tộc học, *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975.
11. Khổng Diễn, *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.